

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Sản phụ khoa cập nhật năm 2022

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trường phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Bác sĩ nội trú chuyên ngành Sản phụ khoa cập nhật năm 2022 (kèm theo).

**Điều 2.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

**Điều 3.** Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *Ker*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ  
CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 202 /QĐ-ĐHYD ngày 28 tháng 1 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

**I. Thông tin chung (General Information)**

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo:
  - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú chuyên ngành Sản phụ khoa*
  - Tên tiếng Anh: *Residency in Obstetrics and Gynecology*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Bác sĩ nội trú*
6. Ngành đào tạo: *Sản phụ khoa*
7. Mã ngành đào tạo:
8. Thời gian đào tạo: *03 năm.*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt.*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung.*
11. Danh hiệu văn bằng:
  - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ nội trú chuyên ngành Sản phụ khoa.*
  - Tên tiếng Anh: *Residency in Obstetrics and Gynecology*

**II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)**

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	Phù hợp		
		Sứ mạng	Tâm nhìn	Luật Giáo dục Đại học
<b>I. Kiến thức</b>				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành Sản phụ khoa và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x		



<b>II. Kỹ năng</b>				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên sâu trong chuyên ngành sản phụ khoa đáp ứng được việc chẩn đoán, tiên lượng, điều trị, phòng bệnh các bệnh lý sản phụ khoa.			X
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X
PEO 4	Sử dụng hiệu quả kỹ năng công nghệ thông tin và nghiên cứu khoa học trong thực hành và phát triển nghề nghiệp xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Sản Phụ khoa một cách linh hoạt, đảm bảo đúng quy trình.	X	X	X
<b>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>				
PEO 5	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	X	X	X

### **III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)**

<b>Chuẩn đầu ra</b>	<b>Mô tả chuẩn đầu ra</b>	<b>Phân loại</b>	
	<i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:</i>	<b>Chuẩn đầu ra chung</b>	<b>Chuẩn đầu ra chuyên biệt</b>
<b>I. Kiến thức</b>			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp thuộc lĩnh vực Sản phụ khoa.	X	
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán điều trị, tiên lượng và dự phòng tất cả bệnh lý trong sản phụ khoa.		X

<b>II. Kỹ năng</b>			
PLO 3	Thực hiện thành thạo khám, chỉ định, sử dụng vận hành trang thiết bị y tế giúp chẩn đoán tiên lượng và xử trí các bệnh lý sản phụ khoa.		X
PLO 4	Thực hành thành thạo các thủ thuật, phẫu thuật, kỹ thuật chuyên sâu đáp ứng được việc phòng bệnh, khám chữa bệnh trong chuyên ngành sản phụ khoa.		X
PLO 5	Tổ chức thực hiện tư vấn được cho người bệnh, gia đình và cộng đồng để phát hiện sớm, điều trị, dự phòng các bệnh lý sản phụ khoa, giáo dục sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, lựa chọn dịch vụ y tế phù hợp.		X
PLO 6	Tiên lượng phát hiện và xử trí được các cấp cứu sản phụ khoa, tình trạng bất thường của trẻ sơ sinh, giám sát kiểm tra, đánh giá cải tiến chất lượng khám chữa bệnh		X
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành sản phụ khoa.	X	X
PLO 8	Thực hiện độc lập được các chuyên đề và đề tài nghiên cứu khoa học; sử dụng được một số phần mềm thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Sản Phụ khoa.	X	X
<b>III. Mức tự chủ và trách nhiệm</b>			
PLO 9	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	X	X
PLO 10	Chủ động học tập và đưa ra những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Sản phụ khoa.	X	X
PLO 11	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	X	X

#### IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
PEO 1	X	X	X								
PEO 2			X	X							
PEO 3				X	X	X	X				
PEO 4							X	X	X		
PEO 5										X	X

#### V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

##### 1. Thông tin tuyển sinh

Cá nhân tham gia dự tuyển Bác sĩ nội trú chuyên ngành Sản phụ khoa khi đạt các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp bác sĩ chính quy ngành y khoa, xếp loại tốt nghiệp loại khá trở lên trong vòng 06 tháng từ ngày công nhận tốt nghiệp (chỉ tính điểm thi tốt nghiệp lần 1).

- Trong các năm đại học không bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, không bị dừng học tập (trừ lý do sức khỏe).

- Chỉ được dự tuyển 1 lần.

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không bị truy cứu hình sự.

- Có đủ sức khỏe để học tập (Theo Quy định hiện hành).

##### 2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ theo Quy chế đào tạo bác sĩ nội trú Trường Đại học Y Dược, Đại học Thái Nguyên.

- Đạt năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 4 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ GD&ĐT) hoặc các chứng chỉ quốc tế tương đương.

- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.

- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà trường.

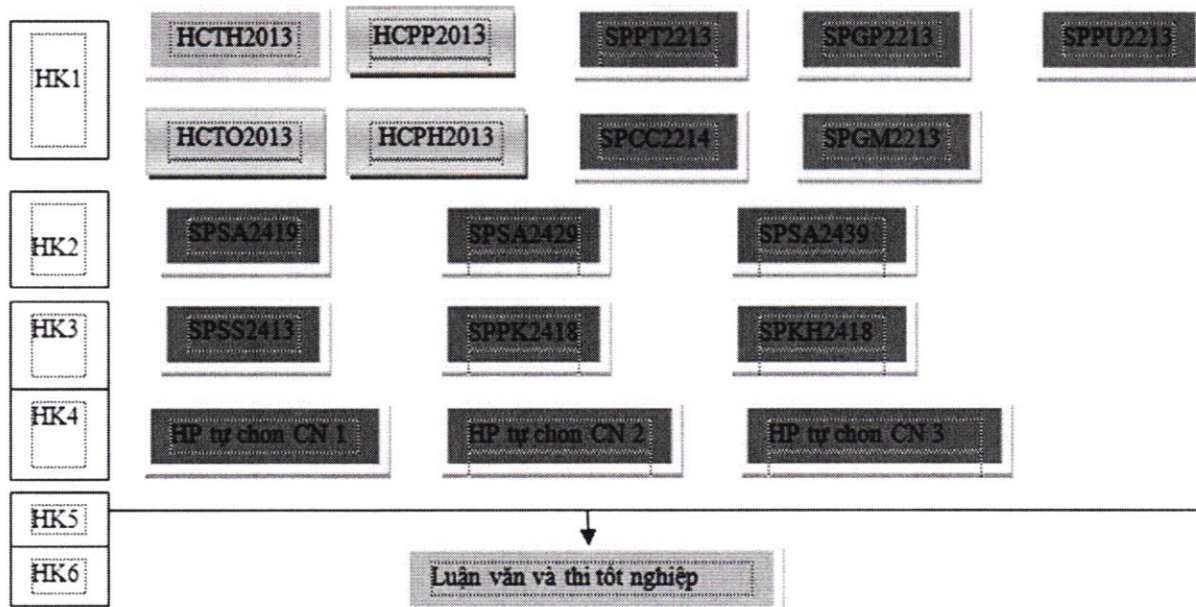


## VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

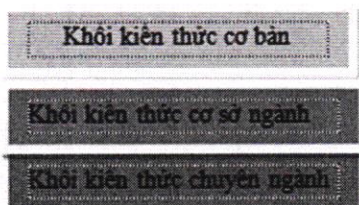
TT	Mã học phần/ Module	Tên học phần/Module	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức cơ bản: 12(10,9%)</b>									
<b>1.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 12</b>									
1	HCTH 2013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2	HCPP 2013	PP giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
3	HCTO 2013	Tin học ứng dụng	3 (1/2)	15	60	75				1
4	HCPH 2013	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	3 (2/1)	30	30	90				1
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở ngành: 16 (14,5%)</b>									
<b>2.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 16</b>									
5	SPPT 2213	Phôi thai học	3 (3/0)	45	0	105				1
6	SPGP 2213	Giải phẫu	3 (1/2)	15	60	75				1
7	SPPU 2213	Phẫu thuật thực hành	3 (1/2)	15	60	75				1
8	SPCC 2214	Cấp cứu bụng ngoại khoa	4 (2/2)	30	60	110				1
9	SPGM 2213	Gây mê hồi sức	3 (2/1)	30	30	90				1
<b>III</b>	<b>Khối kiến thức chuyên ngành: 71 (64,5%)</b>									
<b>3.1</b>	<b>Học phần/module bắt buộc: 51 (44,5%)</b>									
10	SPSA 2419	Sản 1	9 (3/6)	45	180	225				2
11	SPSA 2429	Sản 2	9 (3/6)	45	180	225				2

12	SPSA 2439	Sản 3	9 (3/6)	45	180	225				2
13	SPSS 2413	Sơ sinh	3 (1/2)	15	60	75				3
14	SPPK 2418	Phụ khoa	8 (3/5)	45	150	205				3
15	SPKH 2418	Kế hoạch hóa gia đình	8 (3/5)	45	150	205				3
<b>3.2</b>	<b>Học phần/module tự chọn (nếu có): 20 (18,2%) (Học viên chọn 20 TC của môn tự chọn)</b>									
16	SPSK 2514	Sức khỏe sinh sản	4 (3/1)	45	30	125				4
17	SPNS 2518	Nội soi sản phụ khoa	8 (3/5)	45	150	205				4
18	SPSM 2518	Siêu âm sản phụ khoa	8 (3/5)	45	150	205				4
19	SPVS 2518	Vô sinh và hỗ trợ sinh sản	8 (4/4)	60	120	220				4
20	SPSD 2514	Soi đốt cổ tử cung	4 (2/2)	30	60	110				4
<b>IV</b>	<b>Ôn và thi tốt nghiệp: 3 (2,7%)</b>									
21	SPTN 2613	Ôn và thi TN	3 (1/2)	15	60	75				5,6
<b>V</b>	<b>Luận văn: 8 (7,3%)</b>									
22	SPLV 2818	Luận văn tốt nghiệp	8	120	0	280				5,6

## VII. Tiến trình dạy học (Curriculum Mapping)



Ghi chú:



## VIII. Sự đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)										
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	HCTH2013	M										
2	HCPP2013									M	M	
3	HCTO2013		M					M	H			
4	HCPH2013	M	M					M	H	M		
5	SPPT2213		H	M				M	M	M	M	M
6	SPGP2213		H	M				M	M	M	M	M
7	SPPU2213		H	M				M	M	M	M	M
8	SPCC2214		H	M	M	H	M	M	M	M	H	H
9	SPGM2213		H	M	M	M	M	M	M	M	H	H
10	SPSA2419		H	M	M	M	M	M	M	M	H	H
11	SPSA2429		H	M	M	M	M	M	M	M	H	H



TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra của học phần (PLO)											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
12	SPSA2439		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
13	SPSS2413		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
14	SPPK2418		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
15	SPKH2418		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
16	SPSK2514		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
17	SPNS2518		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
18	SPSM2518		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
19	SPVS2518		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
20	SPSD2514		H	M	M	M	M	M	M	M	M	H	H
21	SPTN2613		H	M	H	H	H	H	H	M	M	H	H
22	SPLV2818		H	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

**IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo**

Phương pháp dạy - học	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
Thuyết trình	X	X								X	X
Thảo luận nhóm					X	X	X	X	X	X	X
Giảng dạy bằng ca bệnh				X	X	X				X	X
Hướng dẫn phẫu thuật /thủ thuật			X	X						X	X
Bình bệnh án						X	X			X	X

## X. Phương pháp kiểm tra đánh giá

### 1. Hình thức, nội dung, tiêu chí và trọng số đánh giá

Hình thức đánh giá	Chuẩn đầu ra CTĐT (PLO)	Tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	1, 2, 3, 4, 5,9,10,11	Điểm danh sự có mặt của người học trên lớp Mức độ tham gia các hoạt động học tập	10%
KTTX	1, 2, 3, 9,10,11	Tự luận, Chấm bệnh án	10%
Thi GHP	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11	Tự luận, Chấm chỉ tiêu lâm sàng	30%
Thi KTHP	1,2,3,4, 5, 6, 7, 8, 9,10,11	Báo cáo chuyên đề, Thi thực hành trên bệnh nhân/Hỏi thi bệnh án	50%

### 2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)										
	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11
<b>Bảng kiểm</b>			x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>MCQ</b>	x	x			x	x	x	x	x	x	x
<b>Giải quyết tình huống</b>			x	x	x	x	x	x	x	x	x
<b>Viết chuyên đề</b>	x	x					x		x	x	x
<b>Chỉ tiêu LS</b>			x	x	x	x	x	x	x	x	x

## XI. Đối sánh (Benchmarking)

### \* Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong và ngoài nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐHYD Huế (2016)		Trường ĐHYD Hải Phòng (2013)		Trường ĐHYD TP HCM (2017)		Trường ĐHYD Thái Nguyên (2021)	
	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	ĐVHT	Tỉ lệ (%)	Tín chỉ	Tỉ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	12	12	12	12	10	10	12	10,9
Kiến thức cơ sở ngành	12	12	12	12	10	10	16	14,5
Kiến thức chuyên ngành	54	54	61	61	60	60	51	44,5
Tự chọn	0	0	0	0	0	0	20	18,2
Tốt nghiệp (LV tốt nghiệp)	22	22,00	15	15	20	20	11	10,0
<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>110</b>	<b>100</b>

## XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

### A. Khối kiến thức cơ bản

#### 1. Học phần Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CĐR 1 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo.

#### 2. Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ.



Học phần này đóng góp vào CDR 9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo bác sĩ nội trú sản phụ khoa.

### **3. Học phần Tin học ứng dụng**

Học phần Tin học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản trong thống kê và sử dụng phần mềm Epi Data, SPSS.18.0, EPI7. Từ đó giúp người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản để quản lý, tổng hợp và phân tích số liệu trong nghiên cứu khoa học. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và thực hành. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 2, 7 (mức độ trung bình); 8 (mức độ cao) của CTĐT.

### **4. Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học**

Học phần Phương pháp nghiên cứu khoa học thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản về nghiên cứu khoa học, viết bài báo, tham gia nghiên cứu đề tài cơ sở, làm luận văn và nghiên cứu nhằm ứng dụng trong chẩn đoán và điều trị trên lâm sàng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 1, 2, 7, 9 (mức độ trung bình); 8 (mức độ cao) của CTĐT.

## **B. Khối kiến thức cơ sở và hỗ trợ**

### **1. Học phần Phôi thai học**

Học phần phôi thai học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức về sự phát sinh, phát triển bình thường của các cơ quan trong cơ thể người, các nguyên nhân, cơ chế gây ra các phát triển bất thường. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và thực hành. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 3, 7, 8, 9, 10, 11 (mức độ trung bình); 2 (mức độ cao) của CTĐT.

### **2. Học phần Giải phẫu bệnh**

Học phần Giải phẫu bệnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này sẽ cung cấp cho người học các kiến thức tổng hợp

theo định khu một số vùng chính của cơ thể như ổ bụng và chậu hông. Các kiến thức về vị trí, phân khu, sự sắp xếp và liên quan của các tạng cũng như mối liên quan của chúng trong bụng, trong chậu hông bé. Các chi tiết giải phẫu về mạch máu thần kinh của các tạng và các dạng biến đổi giải phẫu về hệ thống mạch máu của chúng. Cung cấp thêm cho người học những kiến thức sâu liên quan đến các môn học cơ sở cũng như lâm sàng sau này để áp dụng khi có biểu hiện tổn thương, bệnh lý các vùng, các cơ quan nội tạng để hình thành thái độ của người học trong quá trình học kiến thức. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo ca bệnh. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và thực hành. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 3, 7, 8, 9, 10, 11 (mức độ trung bình); 2 (mức độ cao) của CTĐT.

### **3. Học phần Phẫu thuật thực hành**

Học phần Phẫu thuật thực hành thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phẫu thuật đại cương như kỹ thuật khâu nối đường tiêu hóa, phẫu thuật mổ mở, mổ nội soi. Đặc biệt nội dung phù hợp với chuyên ngành sản khoa như các kỹ thuật cơ bản: mổ lấy thai, cắt khâu tầng sinh môn, mổ u nang buồng trứng. Những bài giảng có tính thực tế cao với những kỹ năng cơ bản về phẫu thuật. Từ đó giúp người học học lâm sàng tại bệnh viện một cách tốt nhất. Kỳ vọng sau khi học phẫu thuật thực hành người học có cách nhìn tổng quát về phẫu thuật đại cương, tham gia các trường hợp phẫu thuật đơn giản, tham gia cấp cứu tại cộng đồng. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo ca bệnh, thực hành. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và thực hành. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 3, 7, 8, 9, 10, 11 (mức độ trung bình); 2 (mức độ cao) của CTĐT.

### **4. Học phần Cấp cứu bụng ngoại khoa**

Học phần Cấp cứu bụng ngoại khoa thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chẩn đoán và điều trị những bệnh lý cấp cứu ngoại khoa về bụng như: thủng ổ loét dạ dày tá tràng, viêm ruột thừa, chấn thương bụng, tắc ruột....., để người học có khả năng thực hành được những kỹ thuật chẩn đoán và các phương pháp điều trị cập nhật về bệnh lý cấp cứu bụng ngoại khoa, có khả năng xử lý tình huống cấp cứu ở bất cứ điều kiện nào.



Kì vọng sau khi học cấp cứu bụng, người học có những kiến thức cơ bản về cấp cứu ngoại khoa về bụng và áp dụng những kiến thức đó trong thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo ca bệnh, thực hành. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và thực hành. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 3, 4, 7, 8, 9 (mức độ trung bình); 2, 5, 10, 11 (mức độ cao) của CTĐT.

## **5. Học phần Gây mê hồi sức**

Học phần Gây mê hồi sức thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy - học ở kỳ học 1 của CTĐT. Học phần này cung cấp những kiến thức về hồi sức sau mổ và các kỹ thuật vô cảm trong sản khoa như gây mê nội khí quản, gây tê tủy sống. Phát hiện những biến chứng sớm sau mổ ở giai đoạn hồi tỉnh. Kì vọng sau khi học xong học phần này, người học có cái nhìn tổng quát về vô cảm hồi sức bệnh nhân liên quan đến thai nghén và áp dụng những kiến thức lý thuyết cơ bản trong thực hành nghề nghiệp tại bệnh viện. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, báo cáo ca bệnh, thực hành. Các phương pháp kiểm tra đánh giá người học bao gồm tự luận, trắc nghiệm và thực hành. Học phần này đóng góp vào các chuẩn đầu ra 3, 4, 7, 8, 9 (mức độ trung bình); 2, 5, 10, 11 (mức độ cao) của CTĐT.

## **C. Khối học phần chuyên ngành**

### **1. Học phần Sản 1**

Học phần Sản 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kỹ năng cơ bản về sản thường, cung cấp những kiến thức về khám và chẩn đoán thai nghén, tư vấn chế độ dinh dưỡng, vận động, sử dụng thuốc và quản lý thai nghén thường. Học xong học phần này, giúp người học tiên lượng, theo dõi chuyển dạ đẻ thường và chăm sóc sản phụ trước trong và sau đẻ. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9(mức độ trung bình); 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **2. Học phần Sản 2**

Học phần Sản 2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được giảng dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này sẽ trang bị cho người học những kiến thức về đẻ khó, suy



thai, đa thai, đa ối, thiếu ối, thai quá ngày sinh, vỡ tử cung, băng huyết sau sinh, nhiễm khuẩn hậu sản. Học phần này giúp học viên phát hiện, tiên lượng, chẩn đoán và xử trí kịp thời các trường hợp thai nghén nguy cơ cao. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **3. Học phần Sản 3**

Học phần Sản 3 thuộc khối kiến thức chuyên ngành được giảng dạy ở kỳ học 2 của CTĐT. Học phần này giúp người học vận dụng được kiến thức về sản bệnh để chẩn đoán, tiên lượng và xử trí kịp thời các trường hợp bệnh lý về sản khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **4. Học phần Sơ sinh**

Học phần Sơ sinh thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc, được dạy - học ở kỳ học 3 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho người học có kiến thức về chẩn đoán, xử trí, dự phòng, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật sơ sinh thường gặp; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, chịu trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **5. Học phần Phụ khoa**

Học phần Phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để thăm khám, chẩn đoán, điều trị và tiên lượng các bệnh lý phụ khoa. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải

quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

#### **6. Học phần Kế hoạch hóa gia đình (KHHGD)**

Học phần KHHGD thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 3. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về kế hoạch hóa gia đình giúp cho các gia đình quyết định số con và thời gian sinh con hợp lý. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

#### **7. Học phần Sức khỏe sinh sản**

Học phần Sức khỏe sinh sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về sinh lý sinh dục theo từng lứa tuổi để tư vấn và giải quyết các vấn đề trong chăm sóc sức khỏe sinh sản. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống), báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

#### **8. Học phần Nội soi sản phụ khoa**

Học phần Nội soi Sản phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này cung cấp cho người học những kiến thức về giải phẫu và phẫu thuật thực hành trong phẫu thuật nội soi giúp cho học viên rèn luyện kỹ năng phối hợp nhóm trong hoạt động chăm sóc sức khỏe người bệnh. Học phần này giúp học viên có kiến thức cơ bản về kỹ thuật trong phẫu thuật nội soi. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.



### **9. Học phần Siêu âm sản phụ khoa**

Học phần Siêu âm sản phụ khoa thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 6. Học phần này cung cấp cho người học sự hiểu biết về tác động của sóng siêu âm lên cơ thể con người và các ứng dụng của siêu âm trong thăm khám, chẩn đoán trong sản phụ khoa. Học phần này cung cấp cho học viên kỹ năng thực hành và chẩn đoán các bệnh lý sản phụ khoa thông thường bằng siêu âm. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **10. Học phần Vô sinh và hỗ trợ sinh sản**

Học phần Vô sinh và hỗ trợ sinh sản thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về sinh lý sinh sản và các phương pháp hỗ trợ sinh sản. Đồng thời, học phần này giúp người học áp dụng được kiến thức cơ bản trong tư vấn và điều trị vô sinh. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **11. Học phần Soi đốt cổ tử cung**

Học phần Soi đốt cổ tử cung thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn, được giảng dạy ở học kỳ 4. Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức về kỹ năng soi, đốt nhằm phát hiện những bất thường ở cổ tử cung, điều trị một số tổn thương lành tính ở cổ tử cung. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Các phương pháp đánh giá người học bao gồm tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 3,4,5,6,7,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **12. Học phần Tốt nghiệp**

Học phần Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho học viên có kiến thức về chẩn



đoán, xử trí, dự phòng, quy trình một số thủ thuật, kỹ thuật cơ bản trong chẩn đoán điều trị một số cấp cứu và các bệnh lý sản phụ khoa thường gặp; đồng thời tạo điều kiện cho người học thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm hiệu quả, có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc và xã hội. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thảo luận nhóm, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp, thuyết trình. Phương pháp đánh giá người học là tự luận (giải quyết tình huống). Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu 3,9 (mức độ trung bình), chuẩn đầu ra 2,4,5,6,7,8,10,11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **13. Luận văn tốt nghiệp**

Học phần Luận văn Tốt nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bắt buộc được dạy - học ở kỳ học 4,5, 6 của CTĐT. Học phần này sẽ giúp cho học viên củng cố kiến thức, kỹ năng của tất cả các khối kiến thức nhằm đáp ứng tất cả các CDR của chương trình đào tạo. Các phương pháp dạy - học chủ yếu là thuyết trình, dạy học nhóm nhỏ, dạy - học dựa trên vấn đề, dạy - học theo nghiên cứu trường hợp. Học viên sẽ được đánh giá thông qua hội đồng tốt nghiệp đánh giá luận văn bác sĩ nội trú. Học phần này đóng góp vào chuẩn đầu ra 1-11 (mức độ cao) của chương trình đào tạo.

### **XII. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo**

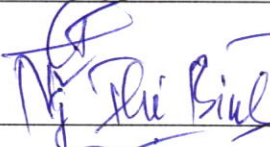
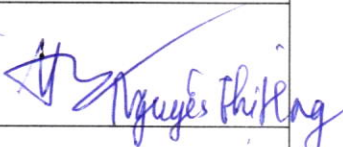




Đội ngũ giảng viên có 50 giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT này, trong đó có 2PGS, 9 tiến sĩ, 19 bác sĩ chuyên khoa cấp II và 20 giảng viên kiêm nhiệm. Người học học lý thuyết tại giảng đường, học thực hành tại các phòng thí nghiệm, bệnh viện thực hành như Bệnh viện Trường Đại học Y-Dược Thái Nguyên, Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên, Bệnh viện A Thái Nguyên, Bệnh viện Sản Nhi Bắc Giang, Bệnh viện Sản Nhi Bắc Ninh, Bệnh viện Phụ Sản Hà Nội và các bệnh viện thực hành khác.

Trường Đại học Y- Dược, Đại học Thái Nguyên có hệ thống giảng đường, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phòng nghiên cứu khá hiện đại, đáp ứng được yêu cầu học tập và tự nghiên cứu cho học viên BS nội trú. Các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên đều được trang bị rất nhiều phương tiện hỗ trợ dạy học và nghiên cứu khoa học như phòng máy tính đa năng, hệ thống đường truyền kết nối internet đến từng phòng học và phòng thí nghiệm - thực hành. Phòng thí nghiệm và thực hành được trang bị thiết bị phục vụ học tập và nghiên cứu (máy vi tính, máy chiếu projector, các thiết bị phục vụ thực tế chuyên môn). Các bệnh viện thực hành của Trường Đại học Y-

Dược Thái Nguyên khá đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực... đáp ứng được yêu cầu đào tạo Bác sĩ nội trú.

**XIV. Ngày phê duyệt lần đầu:**

**XV. Tiến trình cập nhật**

TT	Tóm tắt nội dung cập nhật	Ngày cập nhật	Tổ trưởng tổ rà soát (Ký, ghi rõ họ tên)	Trưởng khoa/ Bộ môn (Ký, ghi rõ họ tên)
1	Đánh mã học phần, chỉnh sửa khung chương trình	30/5/2021	 Ng Thi Binh	 Nguyễn Thị Hồng
2	Bổ sung mô tả các học phần trong khung chương trình	1/6/2021	 Ng Thi Binh	 Nguyễn Thị Hồng
3	Chỉnh sửa theo ý kiến hội đồng sau nghiệm thu: ma trận, giảng viên giảng dạy chương trình, biểu đồ tiến trình dạy học	22/6/2021	 Ng Thi Binh	 Nguyễn Thị Hồng

**XVI. Thành phần phê duyệt**




**HIỆU TRƯỞNG**  
PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

**Ban Giám hiệu**

**Hội đồng Khoa/Bộ môn**

**Tổ trưởng xây dựng/  
rà soát**

  
Ts Nguyễn Thị Hồng

  
Nguyễn Thị Binh

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC**



**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO BÁC SĨ NỘI TRÚ**  
**CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA**

**THÁI NGUYÊN, NĂM 2022**